

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN TNT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13 /2025-TNT

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT**

- Mã chứng khoán: **TNT**

- Địa chỉ: Tầng 1A, tòa nhà Star City, số 23 phố Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại liên hệ: (84-4) 6251 0894

- Fax: (84-4) 6251 0895

- E-mail: tainguyen.tntgroup@gmail.com

- Website: <https://tnt-group.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- Định chính, bổ sung một số nội dung trong Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2025

Nội dung chi tiết: Tại Công văn số 0620/CV-TNT ngày 20/06/2025 kèm theo.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/06/2025 tại đường dẫn: <https://tnt-group.vn/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Công văn số: 0620/CV-TNT ngày 20/06/2025
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý 1 năm 2025 hoàn chỉnh

Công ty Cổ phần Tập đoàn TNT
Người được UQ CBTT
Phó TGD thường trực

VŨ TUẤN HOÀNG

Số: 0620/CV-TNT

(V/v Đính chính, bổ sung một số nội dung
trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1
năm 2025)

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Ngày 25/04/2025 Công ty cổ phần tập đoàn TNT (mã chứng khoán TNT) đã thực hiện công bố thông tin định kỳ Báo cáo tài chính quý 1 năm 2025. Tuy nhiên sau khi rà soát lại công ty đã phát hiện một số sai sót cần được đính chính, bổ sung tại Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2025 đã công bố. Vì vậy Công ty xin đính chính, bổ sung Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2025 như sau:

I. Đính chính chỉ tiêu 230 - Bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất quý 1 năm 2025 tại ngày 31/03/2025 cụ thể như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số liệu ngày 31/03/2025 đã công bố	Số liệu ngày 31/03/2025 đính chính
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		401,331,459,164	401,331,459,164
...	...		...	...
230	III. Bất động sản đầu tư			50,652,800,000
231	- Nguyên giá			50,652,800,000
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			0

Lý do đính chính: Do sơ suất trong quá trình soạn thảo văn bản, kế toán đã vô tình làm ảnh hưởng chỉ tiêu **230 - III. Bất động sản đầu tư** có giá trị 50.652.800.000 đồng nhưng số liệu của các chỉ tiêu khác không thay đổi.

(Đính kèm theo Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý 1 năm 2025 hoàn chỉnh)

II. Bổ sung thuyết minh chỉ tiêu 230 - Bất động sản đầu tư trong thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2025:

Bất động sản đầu tư:*

Số cuối năm			Số đầu năm		
Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
50,652,800,000	50,652,800,000	-	-	-	-

(*) Bất động sản đầu tư: Đây là khoản đầu tư (nhằm mục đích cho thuê lại) của Công ty cổ phần cat Cam Việt Nam (Công ty con của TNT) mua đầu giá tài sản là Quyền sử dụng đất có diện tích 3.825,5 m² và tài sản trên đất tại Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang theo hợp đồng mua bán tài sản đầu giá số 02/HĐMB-DTN và hợp đồng 03/HĐMB-DTN ngày 27/02/2025, Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản này theo giá trị của hợp đồng và

chưa thực hiện việc đánh giá lại giá trị của khoản đầu tư do việc đầu vừa mới được thực hiện vào thời điểm cuối quý 1 năm 2025.

Trên đây là toàn bộ những đính chính bổ sung về Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2025 của Công ty cổ phần tập đoàn TNT, Các nội dung khác tại Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2025 đã công bố không thay đổi.

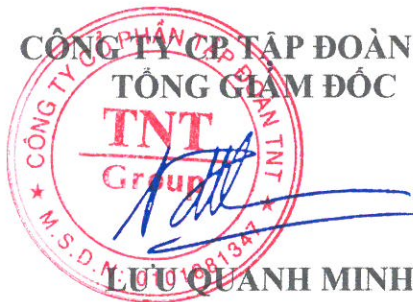
Công ty cổ phần tập đoàn TNT xin cam kết thông tin trên là hoàn toàn chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT
TỔNG GIÁM ĐỐC
TNT
Group
LƯU QUANH MINH



DOÀN TNT
1347



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TNT

Tầng 1A, Tòa nhà Star City, Số 23 Lê Văn Lương, Ph.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày
31/03/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		322,213,463,477	424,416,590,637
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	30,959,154,021	137,709,560,728
111	1. Tiền	111		30,959,154,021	47,709,560,728
112	2. Các khoản tương đương tiền	112		-	90,000,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	8.a	22,653,633	22,400,000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	121		38,148,133	37,894,500
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(15,494,500)	(15,494,500)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		255,536,060,748	252,306,631,277
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2	206,181,658,988	205,332,184,791
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3	6,439,569,965	13,915,472,866
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.a	71,507,144,892	30,851,286,717
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(28,592,313,097)	(30,092,313,097)
140	IV. Hàng tồn kho	140	5	28,363,826,444	27,180,696,573
141	1. Hàng tồn kho	141		28,363,826,444	27,180,696,573
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7,331,768,631	7,197,302,059
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9.a	167,234,535	95,620,934
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7,032,843,070	6,969,990,099
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	131,691,026	131,691,026
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		401,331,459,164	240,622,195,227
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	210		329,779,127,413	219,648,891,765
216	1. Phải thu dài hạn khác	216	4.b	329,779,127,413	219,648,891,765
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
220	II. Tài sản cố định	220		1,363,479,123	1,423,761,213
221	1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1,363,479,123	1,423,761,213
222	- Nguyên giá	222		5,066,991,818	5,066,991,818
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3,703,512,695)	(3,643,230,605)
227	2. Tài sản cố định vô hình	227	6	-	-
228	- Nguyên giá	228		47,365,000	47,365,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(47,365,000)	(47,365,000)
230	III. Bất động sản đầu tư	230		50,652,800,000	-
231	- Nguyên giá	231		50,652,800,000	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	8.b	19,502,591,910	19,502,591,910
251	1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30,000,000,000	30,000,000,000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(10,497,408,090)	(10,497,408,090)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác	260		33,460,718	46,950,339
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.b	33,460,718	46,950,339
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		723,544,922,641	665,038,785,864



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ	300		92,746,463,998	40,236,787,581
310	I. Nợ ngắn hạn	310		92,046,463,998	39,476,787,581
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	14,787,081,901	11,080,183,450
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	0	-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	2,623,139,650	1,631,270,250
314	4. Phải trả người lao động	314		233,051,500	259,051,500
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	2,027,074,893	2,372,428,318
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13.a	6,883,656,631	3,837,046,640
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14.a	65,492,459,423	20,296,807,423
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
330	II. Nợ dài hạn	330		700,000,000	760,000,000
337	1. Phải trả dài hạn khác	337	13.b	-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14.b	700,000,000	760,000,000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		630,798,458,643	624,801,998,283
410	I. Vốn chủ sở hữu	410	15	630,798,458,643	624,801,998,283
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		510,000,000,000	510,000,000,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		510,000,000,000	510,000,000,000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1,931,000,000	1,931,000,000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67,064,379,458	61,167,974,492
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		61,167,974,492	60,804,426,107
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5,896,404,966	363,548,385
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		51,803,079,185	51,703,023,791
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		723,544,922,641	665,038,785,864

Người lập biểu



Lê Thị Mơ

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hồng Nhung



Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Tổng Giám đốc

Lưu Quang Minh